

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
- KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 20/11/2015; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND-KTNS ngày 24/11/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong báo cáo, tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó, nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

A. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015:

Giai đoạn 2011 - 2015, bằng sự cố gắng, nỗ lực trong chỉ đạo, điều hành và sự đồng thuận, nhất trí cao của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những thành tựu đáng kể: Kinh tế tăng trưởng hợp lý và đạt tốc độ khá cao so với bình quân chung của cả nước, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; kim ngạch xuất khẩu đạt mục tiêu đề ra; vốn đầu tư toàn xã hội đã được huy động đúng mức; tỷ lệ hộ sử dụng điện, sử dụng nước sạch, tỷ lệ che phủ rừng chung của tỉnh đạt và vượt mục tiêu. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của nhân dân. Các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách dân tộc đạt được nhiều thành quả quan trọng. Đảm bảo tốt công tác quốc phòng, an ninh giữ vững ổn định, quan hệ quốc tế được mở rộng trên nhiều lĩnh vực.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế nhất định như:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra, chưa phát huy hết tiềm năng hiện có, tiềm lực kinh tế của tỉnh còn ở mức thấp, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao trong đó khu vực công nghiệp tuy có tăng

trường nhưng còn thấp, từ đó làm cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, lạc hậu so với cơ cấu kinh tế của cả vùng Đông Nam bộ và cả nước;

- Thu ngân sách chưa đạt mục tiêu, cơ cấu thu ngân sách chưa hợp lý, còn nặng về thu sử dụng đất, lệ thuộc vào giá cả;

- Xây dựng nông thôn mới trên các xã chỉ đạo điểm còn chậm, tiêu chí đạt được rất thấp so với quy định;

- Một số hạn chế còn tồn tại trong lĩnh vực văn hóa - xã hội chưa được giải quyết căn cơ, trật tự an toàn xã hội và an toàn giao thông còn diễn biến phức tạp.

B. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 – 2020:

I. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khai thác hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy tiềm năng, thế mạnh, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng để đưa Bình Phước phát triển nhanh, bền vững. Bảo đảm tốt an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Củng cố, đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP, giá so sánh 2010) bình quân thời kỳ 2016 - 2020 là 7,5%/năm;

- Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 61,1 triệu đồng (2.848 USD);

- Cơ cấu kinh tế giá trị gia tăng (giá hiện hành) đến năm 2020 là: nông - lâm - thủy sản: 32,4%; công nghiệp - xây dựng: 30%; thương mại - dịch vụ: 37,6%;

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 là 100.000 tỷ đồng;

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2020 đạt khoảng 4.850 tỷ đồng;

- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt khoảng 02 tỷ USD.

2. Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội, môi trường:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 là 50% trên tổng số xã;

- Tỷ lệ trường các cấp đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 khoảng 25%;

- Số giường bệnh/vạn dân đến năm 2020 đạt 30,5 giường;

- Số bác sỹ/vạn dân đến năm 2020 đạt 8,5 bác sỹ/vạn dân;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2020 còn khoảng 13,5%;
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt 80%;
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 còn dưới 1,0%;
- Lao động được giải quyết việc làm cả giai đoạn 2016 - 2020 là 150.000 người (bình quân hàng năm 30.000 người);
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 là 60%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 khoảng 98%. Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch 50%;
- Tỷ lệ số hộ sử dụng điện đến năm 2020 khoảng 99%;
- Tỷ lệ che phủ rừng chung (cả cây lâu năm) đến năm 2020 khoảng 74,8%.

III. Nhiệm vụ và giải pháp:

- Quán triệt, triển khai xây dựng và nghiêm túc thực hiện các Chương trình hành động theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, các Nghị quyết của Trung ương trong điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách của cả giai đoạn và hàng năm, đảm bảo thực hiện tốt các cân đối lớn của địa phương đã được đề ra;

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, kết hợp phát triển mô hình tăng trưởng xanh, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu;

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực, tập trung vào 3 lĩnh vực chủ yếu: tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước;

- Tiếp tục đẩy mạnh 3 đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020.

Cụ thể trên từng ngành và lĩnh vực như sau:

1. Về phát triển kinh tế:

a) Về phát triển nông nghiệp: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển nông lâm nghiệp theo Nghị quyết Đại hội X của tỉnh theo hướng tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Giữ vững tốc độ tăng trưởng toàn ngành, tăng cường thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, ứng

dụng rộng rãi những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên vật nuôi, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện tốt các biện pháp nhằm giảm nhẹ thiên tai trong sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng hiện có. Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, gắn chặt với nâng cao đời sống và thu nhập của người dân;

b) Về phát triển công nghiệp: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp - xây dựng theo Nghị quyết Đại hội X của tỉnh. Tập trung chỉ đạo phát triển các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách về thu hút, khuyến khích đầu tư phù hợp với những quy định mới. Gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và theo yêu cầu của thị trường. Tăng cường hợp tác đầu tư, hợp tác quốc tế và đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư lĩnh vực công nghiệp. Có chính sách cụ thể để đưa khoa học và công nghệ, chuyển giao, đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp. Đảm bảo cung ứng đủ điện, nước, viễn thông cho sản xuất. Tập trung chỉ đạo triển khai dự án Becamex - Bình Phước, dự án khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Đồng Phú;

c) Về phát triển thương mại, dịch vụ: Triển khai xây dựng Chương trình phát triển thương mại dịch vụ, Chương trình phát triển du lịch theo hướng đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa. Chú trọng định hướng thị trường, củng cố thị trường xuất khẩu truyền thống và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường công tác quản lý giá cả, quản lý thị trường, chống buôn lậu;

d) Về tài chính, tiền tệ: Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước với cơ cấu hợp lý và huy động tốt các khoản thu qua hệ thống thuế. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển.

Thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ nhằm bảo đảm cung ứng vốn cho phát triển kinh tế. Nâng cao hiệu quả vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho các đối tượng theo quy định để góp phần thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo;

đ) Về huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát huy cao các nguồn nội lực, đồng thời tạo mọi điều kiện để tranh thủ khai thác các yếu tố, nguồn vốn từ bên ngoài, khai thác hợp lý, tối ưu các nguồn vốn để phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) và Chương trình hành động về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước. Tập trung, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực xây dựng nông thôn mới;

e) Về phát triển các thành phần kinh tế: Tiếp tục thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần. Tạo môi trường, chính sách thuận lợi, thông thoáng kích thích phát triển các thành phần kinh tế đi đôi với tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, cải thiện đời sống người lao động. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước.

2. Về phát triển văn hóa, xã hội:

a) Giáo dục - đào tạo: Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI. Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập” đến năm 2020. Củng cố và nâng cao chất lượng dạy và học. Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục phát triển hệ thống dạy nghề cả về quy mô, chất lượng nhằm theo kịp nhu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và thực tiễn phát triển của tỉnh. Thực hiện hiệu quả các đề án, giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển đào tạo nghề lao động nông thôn. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư trong giáo dục, đào tạo nghề;

b) Y tế: Củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, y tế cơ sở trong đó chú trọng công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh, đồng thời với việc tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ y, bác sỹ. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa y tế. Tiếp tục thực hiện các biện pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường tuyên truyền, thanh tra, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, giáo dục các chủ trương, chính sách, pháp luật dân số - kế hoạch hóa gia đình;

c) Khoa học và công nghệ: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ. Tập trung đổi mới công tác nghiên cứu khoa học nhất là các nghiên cứu có tính ứng dụng cao, phát huy hiệu quả tốt;

d) Văn hóa, thể dục thể thao: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về văn hóa, đẩy mạnh xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tăng cường thông tin chính thức kịp thời về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, mở rộng vùng phủ sóng phát thanh, truyền hình. Tập trung đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; nâng dần thể trạng, chất lượng dân số;

e) Giảm nghèo và các vấn đề an sinh xã hội: Tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách đã ban hành về an sinh xã hội và giảm nghèo, nhất là chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất. Tăng cường tạo việc làm mới, giải quyết việc làm, dạy nghề cho lao động nông thôn và xuất khẩu lao

động, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Phân đầu từng bước giảm dần khoảng cách về thu nhập và đời sống giữa vùng nông thôn và đô thị. Tập trung thực hiện các mục tiêu vì quyền trẻ em, phát triển toàn diện cho thanh thiếu niên, bình đẳng giới. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc. Giải quyết tốt, hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc.

3. Về môi trường:

Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến động khí hậu bất lợi đối với sản xuất và con người, ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên; môi trường, sử dụng đất đai đúng mục đích, đúng pháp luật và nâng cao hiệu quả sử dụng. Đảm bảo thực hiện nghiêm ngặt các quy định đảm bảo vệ sinh môi trường nước, môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, dân cư tập trung. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về gìn giữ, bảo vệ môi trường.

4. Về cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí:

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án cải cách hành chính, Đề án cải cách chế độ công vụ, công chức; Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện đề án một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và cải cách tư pháp. Phân đầu nâng dần chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường các biện pháp đề phòng, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp.

5. Về đối ngoại, quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội:

Tiếp tục thực hiện tốt đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước. Giữ vững mối quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với nước bạn. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 27-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29/8/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT.HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *ABH*



Nguyễn Tấn Hưng
Nguyễn Tấn Hưng